

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2017/HSST
Ngày: 29/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH - TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiên Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Phú Dương

Ông Lương Văn Mừng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Như Thanh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2017/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2017, đối với bị cáo:

Lê Văn T- Sinh năm 1982; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Lê Văn K (đã chết) và bà Hoàng Thị T; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 31/8/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2016. Có mặt.

Người làm chứng:

- Chị Ngân Thị D - Sinh năm 1999

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện NX, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- Chị Bùi Thị P - Sinh năm 1989

Trú tại: Thôn 7 xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NHẬN THẤY

Bị cáo Lê Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào tối ngày 31/10/2016, Lương Văn N, sinh năm 1984 ở xã X, huyện N gọi điện hỏi mua 01 gói ma túy đá của Lê Văn T, sinh năm 1982 ở thôn Đ, xã H, huyện N để sử dụng. T đồng ý và hẹn N đến nhà mình. Khoảng 21 giờ cùng ngày, N đi cùng với Hoàng Văn T trú tại xã C, huyện N (là bạn N) đến nhà Lê Văn T. Lúc này T đang sử dụng ma túy đá với Ngân Thị D, sinh năm 1999 trú tại xã T, huyện NX và Bùi Thị P, sinh năm 1989 trú tại xã Xuân P, huyện N. N vào gặp Lê Văn T và đưa cho T 300.000đ, T nhận tiền và đưa cho N 01 gói ma túy đá. Đúng lúc đó lực

lượng Công an huyện ập vào kiểm tra bắt quả tang thu giữ tại chỗ số vật chứng liên quan đến việc mua bán ma túy gồm: 01 túi nilon nhỏ màu trắng chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể (thu trong túi quần sau của Lương Văn N) và số tiền 300.000đ (thu trong người của Lê Văn T).

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn T, thu tại phòng khách nhà ở của T giữ các vật chứng liên quan đến việc chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 02 bật lửa gas màu vàng và xanh, chiều dài mỗi bật lửa 8cm; 06 ống thủy tinh màu trắng hình trụ rỗng, đường kính mỗi ống 0,5cm, chiều dài mỗi ống 15cm; 01 chiếc điện thoại di động màu đen loại Nokia số Imel: 356340/05014665/3; 01 bình gas mini màu đỏ, chiều dài 18cm, đường kính 7cm; đầu bình gas có gắn thiết bị “khò” (tổ hợp nhựa + kim loại), chiều dài 16cm, đường kính 3cm; 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy đá gồm: Vỏ chai nhựa loại chai nước khoáng chanh muối 350ml, bên trong không có nước, trên nắp chai có gắn 01 ống nhựa hình trụ rỗng, chiều dài 25cm, đường kính 0,5cm và 01 ống thủy tinh hình trụ rỗng (hay gọi là cồng) có gắn phễu hình cầu, ở đáy phễu có đựng chất rắn màu trắng.

Ngoài ra Lê Văn T còn khai nhận, trước đó vào khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, có hai đối tượng là Ngân Thị D và Bùi Thị P đến hỏi mua ma túy để sử dụng (dưới hình thức mua chịu). T đồng ý bán cho D và P lượng ma túy trị giá 300.000đ và đồng ý cho các đối tượng trên trả tiền sau. Mua được ma túy, D và P xin được sử dụng tại nhà T và được T đồng ý. T lấy dụng cụ sử dụng chất ma túy đá gồm bình đập đá, bật lửa gas, bình khò và một số vật dụng liên quan ra và cùng sử dụng ma túy đá với D và P. Trong lúc đang sử dụng ma túy với D và P thì N đi cùng Hoàng Văn T đến mua ma túy và bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Nguồn ma túy Lê Văn T có để bán cho các đối tượng và số ma túy cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang và khám xét, T khai là mua của một người đàn ông lạ mặt không rõ tên, địa chỉ vào ngày 31/10/2016 tại khu vực cầu K, thị trấn B, huyện N với giá 500.000đ. T về chia thành 02 gói mục đích để bản thân sử dụng và bán cho các đối tượng đến mua để hưởng lợi nhuận.

Ngày 01/11/2016, Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã ra quyết định trưng cầu giám định số: 06/CSĐT, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định các vật chứng thu tại hiện trường, ngày 03/11/2016 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa có kết luận số: 1627/MT-PC54, kết luận giám định như sau:

- Các hạt màu trắng (chất rắn) dạng tinh thể thu trên người Lương Văn N được niêm phong ký hiệu M1 có tổng trọng lượng 0,126g (không phẩy một hai sáu gam), có Methamphetamine;
- Các hạt màu trắng (chất rắn) dạng tinh thể thu tại nền hè phòng khách nhà ở Lê Văn T được niêm phong ký hiệu B1 có tổng trọng lượng 0,105g (không phẩy một không năm gam), có Methamphetamine;
- Chất rắn màu trắng trong hộp giấy được niêm phong ký hiệu S1 có tổng trọng lượng 0,011g (không phẩy không một một gam), có Methamphetamine.

Về vật chứng: 02 bật lửa gas màu vàng và xanh; 06 ống thủy tinh màu trắng; 01 chiếc điện thoại di động màu đen loại Nokia số Imel: 356340/05014665/3; 01 bình gas mini màu đỏ; 01 hộp giấy hình hộp chữ nhật (ký hiệu T2); 01 phong bì

(ký hiệu T1); số tiền 300.000đ đã được chuyển từ kho vật chứng và tài khoản tạm gửi của Cơ quan điều tra Công an huyện N đến kho vật chứng và tài khoản tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện N của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số: 13/CT-VKS ngày 05/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, theo điểm b khoản 2 Điều 194 và điểm d khoản 2 Điều 198 của Bộ luật hình sự.

Tại bản kết luận giám định số: 1790/MT-PC54 ngày 25/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Các hạt màu trắng dạng tinh thể của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định có hàm lượng Methamphetamine là 49,78%; Các hạt màu trắng dạng tinh thể của phong bì niêm phong ký hiệu B1 gửi giám định có hàm lượng Methamphetamine là 52,36%.

Đối với chất rắn màu trắng của hộp giấy niêm phong ký hiệu S1 có trọng lượng là 0,011g, có Methamphetamine. Do đã trích mẫu giám định lần trước nên không còn mẫu để giám định hàm lượng Methamphetamine.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Lê Văn T phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”;

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194; điểm d khoản 2 Điều 198; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 50 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T từ 07 đến 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, từ 07 đến 08 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 14 đến 16 năm tù.

Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Lê Văn T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21h ngày 31/10/2016, Lương Văn N, sinh năm 1984 trú tại xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đi cùng với Hoàng Văn T trú tại xã C, huyện N (là bạn N) đến nhà Lê Văn T, sinh năm 1982 ở thôn Đ, xã H, huyện N để mua ma túy sử dụng. N vào gặp Lê Văn T và đưa cho T 300.000đ, T nhận tiền và đưa lại cho N 01 gói ma túy đá. Cùng lúc này, T đang sử dụng ma túy đá với Ngân Thị D, sinh năm 1999 trú tại xã T, huyện NX và Bùi Thị P, sinh năm 1989 trú tại xã X, huyện N. Vì trước đó vào

khoảng 20h 40' cùng ngày, D và P có mua chịu 300.000đ ma túy của Lê Văn T và T đồng ý cho các đối tượng trên sử dụng ma túy tại nhà T.

Công an huyện N phát hiện, bắt quả tang và thu giữ trên người N 01 gói ma túy đá có trọng lượng 0,126 gam; hàm lượng Methamphetamine là 49,78%, 300.000đ và một số dụng cụ có chứa chất ma túy; thu giữ lượng ma túy tại nền hệ phòng khách nhà ở của T có tổng trọng lượng 0,105 gam, hàm lượng Methamphetamine là 52,36%; thu giữ lượng ma túy trong hộp giấy có tổng trọng lượng 0,011 gam, có Methamphetamine. Tổng trọng lượng Methamphetamine các đối tượng mua bán (đã giám định được hàm lượng) là 0,116 gam.

Với hành vi nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng và cho 02 đối tượng D và P sử dụng ma túy tại nhà, Lê Văn T đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 và điểm d khoản 2 Điều 198 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn T là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, bởi hiện nay tệ nạn ma túy đang là hiểm họa, gây tác hại lớn cho mọi mặt của đời sống xã hội, cho an ninh quốc gia và là nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh căn bệnh HIV/AIDS và nhiều loại tệ nạn, tội phạm nguy hiểm khác. Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách pháp luật kịp thời, kiên quyết, nghiêm khắc đối với những hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo nhận thức được tác hại của chất ma túy và Methamphetamine là hàng quốc cấm, do Nhà nước độc quyền quản lý, nhưng do háms lợi và để thỏa mãn những dục vọng thấp hèn mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình vi phạm. Hành vi nhiều lần bán ma túy cho các các đối tượng nghiện ma túy và chứa chấp nhiều đối tượng sử dụng ma túy tại nhà của T đã tiếp tay cho tệ nạn ma túy hiện nay đang lan tràn ở địa phương.

Với tính chất rất nghiêm trọng của vụ án và nhân thân Lê Văn T là đối tượng đã bị xử lý hình sự, cần có đường lối xử phạt nghiêm minh để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội Lê Văn T đã thấy được sai phạm, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, vì vậy khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được có sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân tốt. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của BLHS.

Xét bị cáo chưa được hưởng lợi gì từ việc mua bán ma túy, bản thân không có công ăn việc làm, thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung “phạt tiền” cho bị cáo.

Về vật chứng: Đối với 0,1 gam ma túy (còn lại sau giám định) là vật cấm lưu hành và 02 chiếc bật lửa gas, 06 ống thủy tinh, 01 bình gas mini, 01 vỏ chai nhựa có nắp gắn ống hút nhựa và ống thủy tinh là công cụ phạm tội của bị cáo cần tịch thu, tiêu hủy;

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia là phương tiện phạm tội của bị cáo và số tiền 300.000đ là tiền do bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194; điểm d khoản 2 Điều 198; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS. Khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 76; Điều 99 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2016.

Về vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 0,1 gam ma túy (còn lại sau giám định) trong phong bì niêm phong ký hiệu số: 1790/MT-PC54 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa và 01 vỏ chai nhựa có nắp gắn ống hút nhựa và ống thủy tinh bên trong hộp giấy ký hiệu T2 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

- Tịch thu, tiêu hủy 02 bật lửa gas, 06 ống thủy tinh, 01 bình gas mini theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

- Tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Nokia theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N; và 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2010/003103 ngày 16/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án phí: Bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND H.Nh- Thanh;
- Công an H.Nh- Thanh;
- Chi cục THA DS H.Nh- Thanh;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u TAND H.Nh- Thanh.

Lê Tiến Thịnh